

Số: 01 /ĐA-SXD

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2025

ĐỀ ÁN

Thành lập Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE, TỈNH VĨNH LONG, TỈNH TRÀ VINH TRƯỚC KHI HỢP NHẤT

A. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC SỞ XÂY DỰNG TRƯỚC KHI HỢP NHẤT

I. SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

b) Địa chỉ trụ sở chính: Số 80, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Cơ sở 2: Số 83, đường 30/4, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Số điện thoại: 02703822145 Fax: không

- Website: <https://sxd.vinhlong.gov.vn/>

- Email: sxaydung@vinhlong.gov.vn

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Nghị quyết số 207/NQ-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

d) Chức năng, nhiệm vụ

Sở Xây dựng (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng;

phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị trên địa bàn và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc

b) Các Tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

- Văn phòng Sở;
- Phòng Quy hoạch kiến trúc và Quản lý nhà, thị trường bất động sản;
- Phòng Quản lý chất lượng công trình;
- Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng;
- Phòng Vận tải và An toàn.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

- Cảng vụ đường thủy nội địa (nhóm 3);
- Trung tâm Quản lý và bảo trì công trình xây dựng (nhóm 4);
- Trung tâm Xây dựng và giao thông (nhóm 1);
- Trung tâm Thẩm định, Kiểm định công trình giao thông vận tải (nhóm 2)(thủ tục cổ phần);
- Bến xe khách Vĩnh Long (nhóm 2)(thủ tục cổ phần).

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm

- Tổng số chỉ tiêu công chức được giao 108 biên chế¹; hiện có 83 công chức.

- Tổng số chỉ tiêu viên chức được giao 44 biên chế (Cảng vụ đường thủy nội địa 20; Trung tâm Quản lý và bảo trì 24); hiện có 43 viên chức.

- Tổng số chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP được giao 10 lao động; hiện có 09 hợp đồng.

Tổng hợp thực trạng số lượng công chức và viên chức như sau:

¹ GTVT 59, XD 49

STT	Tên đơn vị/phòng	Biên chế được giao	Có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức	HĐLĐ
	Tổng cộng (I + II)	108	93	6	21	56	10
I	Ban giám đốc Sở	5	5	1	4		
II	Các phòng, đơn vị		88	5	17	56	10
1	Văn phòng Sở		31	1	5	15	10
2	Phòng Quy hoạch kiến trúc và Quản lý nhà, thị trường bất động sản		13	1	2	10	
3	Phòng Quản lý chất lượng công trình		13	1	4	8	
4	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng		18	1	3	14	
5	Phòng Vận tải và An toàn		13	1	3	9	
III	Đơn vị sự nghiệp công lập	194	181	5	13	127	46
1	Cảng vụ đường thủy nội địa	20	20	1	2	17	
2	Trung tâm Quản lý và bảo trì công trình xây dựng	24	23	1	2	20	
3	Trung tâm Xây dựng và giao thông	112	96	1	6	72	17
4	Trung tâm Thẩm định, Kiểm định công trình giao thông vận tải	38	27	1	1	14	11
5	Bến xe khách Vĩnh Long	20	15	1	2	4	8

4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

a) Trụ sở

- Cơ sở 1:

+ Diện tích đất: 3.989,5 m²

+ Địa chỉ: Số 80, đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

+ Hình thức: Đất được nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

- Cơ sở 2:

+ Địa chỉ: Số 83, đường 30/4, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

+ Diện tích: 1.338,2m²

+ Hình thức: Đất được nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

b) Tài chính (kèm theo Phụ lục)

c) Tài sản, trang thiết bị (kèm theo Phụ lục)

II. SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

b) Địa chỉ trụ sở chính

- Trụ sở chính: Số 593/B4, đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Cơ sở 2: số 03, đường Cách mạng tháng Tám, phường An Hội, thành phố Bến Tre.

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập: Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre tổ chức lại Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre trên cơ sở hợp nhất Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre và Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre.

d) Chức năng, nhiệm vụ

Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn (bao gồm: Cấp nước sạch (trừ nước sạch nông thôn); thoát nước và xử lý nước thải (trừ xử lý nước thải tại chỗ; thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối); công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý không gian xây dựng ngầm; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu dân cư nông thôn); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ).

Là cơ quan thường trực của Ban An toàn giao thông tỉnh, có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện hoạt động của Ban.

Sở Xây dựng tỉnh Bến Tre có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động

của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành Trung ương quản lý về ngành, lĩnh vực.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: có 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

b) Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính
- Phòng Quản lý vận tải;
- Phòng Quản lý hạ tầng, Nhà ở và An toàn giao thông;
- Phòng Quy hoạch - Kiến trúc - Đô thị;
- Phòng Quản lý chất lượng công trình;

c) Đơn vị tương đương Chi cục

Cảng vụ đường thủy nội địa.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập

- Trung tâm Phát triển nhà (đơn vị được nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động và được giao biên chế - đơn vị nhóm 3);
- Trung tâm tư vấn và Kiểm định xây dựng (đơn vị tự chủ nhóm 2);
- Trung tâm Quản lý phà và bến xe (đơn vị tự chủ nhóm 1);
- Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông (đơn vị tự chủ nhóm 1).

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm

- Tổng số chỉ tiêu công chức được giao 88 biên chế; hiện có 78 công chức (Sở Xây dựng 57 biên chế; Thanh tra Sở 18; Cảng vụ đường thủy nội địa 03 biên chế), còn 10 biên chế chưa sử dụng.

- Tổng số chỉ tiêu viên chức được giao 48 biên chế; hiện có 48 viên chức (Cảng vụ đường thủy nội địa 33, Trung tâm Phát triển nhà 15).

- Tổng số chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP được giao 21 lao động; hiện có 17 hợp đồng (Khối Văn phòng Sở 07, Thanh tra Sở 03; Cảng vụ đường thủy nội địa 07), còn 4 hợp đồng lao động chưa sử dụng.

Tổng hợp thực trạng số lượng công chức và viên chức như sau:

STT	Tên đơn vị/phòng	Biên chế	Có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức	HDLĐ
	Tổng cộng (I+II)		85	8	17	50	10
I	Ban giám đốc Sở	5	5	1	4		
II	Các phòng, đơn vị		80	7	13	50	10
1	Văn phòng Sở		19	1	2	9	7
2	Thanh tra		21	1	3	14	3
3	Phòng Kế hoạch – Tài chính		8	1	2	5	
4	Phòng Quản lý vận tải;		6	1	1	4	
5	Phòng Quản lý hạ tầng, Nhà ở và An toàn giao thông		11	1	2	8	
6	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc - Đô thị		6	1	1	4	
7	Phòng Quản lý chất lượng công trình		9	1	2	6	
III	Đơn vị tương đương Chi cục						
1	Cảng vụ đường thủy nội địa (tương đương Chi cục)	43²	43	1	02	33	07
IV	Đơn vị sự nghiệp công lập		246	4	6	110	127
1	Trung tâm Phát triển nhà (đơn vị được nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động và được giao biên chế - đơn vị nhóm 3);	15	15	1	1	13	
2	Trung tâm tư vấn và Kiểm	42	41	1	1	36	03

² 03 công chức, 33 viên chức

STT	Tên đơn vị/phòng	Biên chế	Có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức	HDLĐ
	định xây dựng (đơn vị tự chủ nhóm 2);						
3	Trung tâm Quản lý phà và bến xe (đơn vị tự chủ nhóm 1);	167	167	1	3	40	123
4	Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông (đơn vị tự chủ nhóm 1);	23	23	1	2	20	1

4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

a) Trụ sở

- Cơ sở 1:

+ Diện tích đất: 3942,6 m²

+ Địa chỉ: Số 593/B4, đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Cơ sở 2:

+ Diện tích đất: 1100,4 m²

+ Địa chỉ: Số 03, đường Cách mạng Tháng Tám, phường An Hội, thành phố Bến Tre.

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

b) Tài chính (kèm theo Phụ lục)

c) Tài sản, trang thiết bị (kèm theo Phụ lục)

III. SỞ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

1. Thông tin chung

a) Tên gọi: Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Không có

- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

b) Địa chỉ trụ sở chính

- Trụ sở chính: Số 151, Nguyễn Đăng, Khóm 1, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Trụ sở 2: Số 226, Trần Phú, Khóm 5, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

c) Quyết định thành lập, cho phép thành lập

Thực hiện theo Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh.

d) Chức năng, nhiệm vụ

Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, có chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: có 01 Giám đốc và 06 Phó Giám đốc.

b) Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Phòng Quản lý xây dựng;
- Phòng Quản lý hạ tầng;
- Phòng Quy hoạch - Kiến trúc và phát triển đô thị;
- Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản;
- Phòng Giám định xây dựng;
- Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và Người lái.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập

- Đoàn Quản lý giao thông thủy bộ (đơn vị được nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và được giao biên chế);
- Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng (đơn vị tự chủ nhóm 2);

- Ban Quản lý Bến xe khách Trà Vinh (đơn vị tự chủ nhóm 2, đang thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần);

- Trung tâm đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải (đơn vị tự chủ nhóm 2, đang thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần).

3. Vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm

- Tổng số chỉ tiêu công chức được giao 74 biên chế; hiện có 73 công chức (Sở Xây dựng 52 biên chế; Thanh tra Sở 21 biên chế).

- Tổng số chỉ tiêu viên chức được giao 37 biên chế; hiện có 34 viên chức (25 viên chức Đoàn Quản lý giao thông thủy bộ; 09 viên chức Thanh tra Sở).

- Số lượng người làm việc: 91 người trong đó có 23 hợp đồng lao động (Trung tâm đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải 38 người “có 07 hợp đồng lao động”; Ban Quản lý Bến xe khách 11 người “có 05 hợp đồng lao động”, Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng 42 người “có 11 hợp đồng lao động”).

- Tổng số chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được giao 16 lao động; hiện có 15 hợp đồng (Khối Văn phòng Sở 09 và Đoàn Quản lý Giao thông thủy bộ 06).

Tổng hợp thực trạng số lượng công chức và viên chức như sau:

STT	Tên đơn vị/phòng	Biên chế	Có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức	HĐLĐ
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	218	213	13	22	140	38
I	Ban Giám đốc Sở	7	7	1	6		
II	Các phòng, đơn vị	86	84	8	12	55	9
1	Văn phòng Sở	25	23	1	3	10	9
2	Thanh tra	30	30	1	3	26 (09 viên chức)	
3	Phòng Quản lý xây dựng	5	5	1	1	3	
4	Phòng Quản lý hạ tầng	6	6	1	1	4	
5	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc và phát triển đô thị	4	4	1	1	2	
6	Phòng Quản lý Nhà và thị trường bất động sản	6	6	1	1	4	
7	Phòng Giám định xây dựng	5	5	1	1	3	

STT	Tên đơn vị/phòng	Biên chế	Có mặt	Cấp trưởng	Cấp phó	Công chức/ Viên chức	HĐLĐ
8	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	5	5	1	1	3	
III	Đơn vị sự nghiệp công lập	125	122	4	4	85	29
1	Đoạn Quản lý giao thông thủy bộ (đơn vị được nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và được giao biên chế)	34	31	1	2	22	6
2	Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng (đơn vị tự chủ nhóm 2)	42	42	1	1	29	11
3	Ban Quản lý Bến xe khách Trà Vinh (đơn vị tự chủ nhóm 2, đang thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần)	11	11	1		5	5
4	Trung tâm đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải (đơn vị tự chủ nhóm 2, đang thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần)	38	38	1	1	29	7

4. Tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, đất đai

a) Trụ sở

- Cơ sở 1:

+ Diện tích đất: 6.280,4 m².

+ Địa chỉ: Số 151, Nguyễn Đăng, Khóm 1, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Cơ sở 2:

+ Diện tích đất: 2.880,5 m².

+ Số 226, Trần Phú, Khóm 5, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

b) Tài chính (kèm theo Phụ lục)

c) Tài sản, trang thiết bị (kèm theo Phụ lục)

B. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Ưu điểm, thuận lợi

- Hợp nhất đầu mối quản lý nhà nước, tinh gọn tổ chức bộ máy giúp tinh giản biên chế, tiết kiệm chi phí hành chính và đầu tư cơ sở vật chất.

- Việc hợp nhất Sở Xây dựng 3 tỉnh giúp tập trung nhân lực chuyên môn, giảm đầu mối trung gian, nâng cao hiệu suất công việc. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức phát huy sở trường, nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực đặc thù.

- Giảm sự chồng chéo, phân tán nhiệm vụ giữa các cơ quan, tạo thuận lợi trong chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi để phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ của ngành gắn với các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ bảo đảm mục tiêu tăng trưởng của tỉnh năm 2025 đạt 8% trở lên.

II. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Việc hợp nhất đòi hỏi sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức viên chức theo vị trí công tác, có thể dẫn đến xung đột về quyền lợi và vị trí công tác của cán bộ.

- Việc sáp nhập có thể gây ra tình trạng dư thừa cán bộ, làm tăng áp lực trong việc bố trí và đào tạo lại.

- Một bộ phận công chức, viên chức lo lắng về việc thay đổi vị trí công tác, địa điểm công tác có thể ảnh hưởng đến tâm lý làm việc.

- Việc thay đổi cơ sở hạ tầng, chính sách và thủ tục hành chính trong giai đoạn đầu khi sáp nhập cũng gây ảnh hưởng cho doanh nghiệp và người dân. Việc sáp nhập có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý hành chính công và chất lượng dịch vụ công, cần phải kịp thời đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho công tác quản lý sau sáp nhập.

Phần thứ hai

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

A. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP

I. SỰ CẦN THIẾT

Tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long là 03 tỉnh nằm ở phía Đông của Vùng đồng bằng sông Cửu Long, là đầu mối giao thông kết nối vùng Đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long có điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội tương đồng; có hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy phát triển khá đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển ngày càng cao của mỗi tỉnh và khu vực; kết nối với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bằng các tuyến giao thông huyết mạch như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 53, Quốc lộ 57, Quốc lộ 60, Quốc lộ 54, Quốc lộ 80, cầu Mỹ Thuận, Cầu Rạch Miễu, Cầu Đại Ngãi... và đặc biệt là các tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, Mỹ Thuận - Cần Thơ được kết nối thông suốt, cùng với hệ thống giao thông đường tỉnh, đường huyện được tập trung đầu tư, nâng cấp góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của mỗi tỉnh trong những năm qua, tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu, phát triển du lịch, thương mại, hợp tác đầu tư trong và ngoài nước.

Trong những năm qua, cùng với sự ưu tiên quan tâm đầu tư của Trung ương, kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long nói riêng có sự phát triển vượt bậc và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mô hình tăng trưởng chuyển từ chiều rộng sang chiều sâu và không ngừng nâng cao chất lượng tăng trưởng; khai thác hiệu quả và tối đa các tiềm năng, lợi thế phát triển nông nghiệp hàng hóa, du lịch, công nghiệp chế biến nông sản,... và từng bước khẳng định được vị thế là trung tâm sản xuất, xuất khẩu lúa gạo, thủy sản và cây ăn quả của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH ngày 15/4/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ Về Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh nhằm thực hiện các chủ trương của Trung ương; đảm bảo quy mô diện tích tự nhiên phù hợp với năng lực quản lý của chính quyền địa phương; đảm bảo điều kiện tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, các thế mạnh kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững; góp phần tăng quy mô của đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị.

Để tăng cường tính liên kết vùng của ba tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực; tiết kiệm chi phí vận hành bộ máy, chi phí nhân sự, cơ sở vật chất, văn phòng...; tối ưu nhân sự chuyên môn, có thể quy tụ đội ngũ chuyên môn chất lượng cao, phân công công việc hiệu quả hơn, tránh chồng chéo giữa các

tỉnh. Đồng thời, phát huy lợi thế địa phương và liên kết vùng để phát triển kinh tế - xã hội, tạo lập thị trường chung quy mô lớn hơn, đồng bộ các chính sách về xúc tiến thương mại, phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư giữa các địa phương trong khu vực, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh thì việc thành lập Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh là một giải pháp rất cần thiết phù hợp với xu hướng đổi mới hành chính hiện nay.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Kết luận số 130-KL/TW ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Kết luận số 137-KL/TW ngày 29 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Kết luận số 155-KL/TW ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025.

Kết luận số 157-KL/TW ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương về triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính.

Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp.

Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo TW về tổng kết Nghị quyết 18 ban hành về thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp.

Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính.

Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Thông tư số 10/2025/TT-SXD ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và lĩnh vực xây dựng.

Đề án số 3138 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về sắp xếp các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long.

Thông báo số 3370-TB/TU ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 19/6/2025

III. NGUYÊN TẮC THÀNH LẬP

Thành lập Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh phù hợp với các văn bản quy định hiện hành; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao năng lực quản lý của đơn vị; cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phù hợp với các chủ trương và định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh tổ chức lấy ý kiến các đơn vị có liên quan.

Quá trình tổ chức xây dựng Đề án đảm bảo khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch; trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật

B. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI QUẢN LÝ, ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ

1. Mục tiêu

Thông qua thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, Đề án để nâng cao trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy và thành lập Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan hành chính dân chủ, chuyên

nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch, phục vụ nhân dân, trên cơ sở phân cấp hợp lý.

Rà soát và đề xuất phương án sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, biên chế tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long theo hướng tinh gọn về bộ máy, giảm bớt đầu mối, thực sự hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tăng dân tự chủ kinh phí, giảm chi ngân sách.

Hoàn thiện việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch, chức danh nghề nghiệp và trình độ đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo sử dụng biên chế được giao đồng thời tinh giản biên chế theo lộ trình quy định.

Thực hiện sắp xếp, kiện toàn phải đảm bảo phù hợp với quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, phân cấp quản lý và tình hình thực tế của đơn vị. Trong quá trình sắp xếp phải bảo đảm dân chủ, không ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị; sau sắp xếp, kiện toàn hoạt động tốt hơn, hiệu quả cao hơn.

Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy theo đúng quy định và đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Phạm vi quản lý

Phạm vi không gian: Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long.

Phạm vi thời gian: Đề án trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước ngày 30/6/2025.

3. Đối tượng quản lý

Tất cả các tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long (bao gồm các Phòng, Chi cục và các đơn vị sự nghiệp)

Tất cả cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long.

Cơ sở vật chất của tất cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long.

II. TÊN GỌI, LOẠI HÌNH, TRỤ SỞ LÀM VIỆC

1. Tên gọi

- Tên gọi: Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long
- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Không có
- Thuộc: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

2. Loại hình

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

3. Trụ sở làm việc

- Trụ sở chính: Số 80, đường Trần Phú, Phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long
- Cơ sở 2: Số 83, đường 30/4, Phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long
- Cơ sở 3: Số 593/B4, đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long
- Cơ sở 4: Số 151, Nguyễn Đàng, Khóm 1, Phường Nguyệt Hóa, tỉnh Vĩnh Long
- Số điện thoại: 02703.822.145 Fax: không
- Website: <https://sxd.vinhlong.gov.vn/>
- Email: sxaydung@vinhlong.gov.vn

III. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Vị trí, chức năng

a) Sở Xây dựng (sau đây gọi tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, đường đô thị theo phân cấp hoặc ủy quyền quản lý.

b) Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

2.1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực xây dựng, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực xây dựng trên địa bàn cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc Sở (nếu có);

d) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ

sự nghiệp công trong lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Dự thảo quyết định, quy định, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về xây dựng và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định;

g) Quyết định các dự án đầu tư về xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi được phân cấp hoặc ủy quyền.

2.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân công;

b) Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập do Sở Xây dựng quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2.3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án và các văn bản khác sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

2.4. Về quy hoạch đô thị và nông thôn:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn;

b) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn theo quy định;

d) Hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt trên địa bàn theo phân cấp, bao gồm: tổ chức công bố, công khai quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý hồ sơ các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; giới thiệu địa điểm xây dựng và hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật; cung cấp thông tin về quy hoạch;

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn.

2.5. Về kiến trúc:

a) Thực hiện và phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát chất lượng kiến trúc trong dự án đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc theo phân cấp, ủy quyền của Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập, thẩm định quy chế quản lý kiến trúc đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt và ban hành của Ủy ban nhân dân cấp xã; kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành; tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ hoặc đột xuất để xem xét, điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc;

c) Lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc; công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật, đăng tải và cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc có đăng ký hoạt động trên địa bàn.

2.6 Về hoạt động đầu tư xây dựng:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện đối với hoạt động đầu tư xây dựng, gồm: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; khảo sát, thiết kế xây dựng; cấp giấy phép xây dựng; thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và kiểm định xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; hợp đồng xây dựng; quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân và cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài;

b) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy hoạch, thiết kế xây dựng, giấy phép xây dựng theo quy định;

d) Thực hiện quản lý công tác đấu thầu trong hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu trên địa bàn;

đ) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước đối với hoạt động của các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập;

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng; thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn; tổ chức xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, ban hành hoặc công bố theo phân cấp hoặc ủy quyền: công bố

giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng, giá xây dựng tổng hợp, suất vốn đầu tư xây dựng trong phạm vi quản lý (nếu cần thiết).

h) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho công tác xây dựng đặc thù của địa phương theo quy định và hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

i) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành các định mức bảo trì, bảo dưỡng chưa có trong danh mục định mức được Bộ Xây dựng, bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành theo quy định;

k) Thực hiện việc thông báo các thông tin về định mức, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo tháng, quý hoặc năm, theo các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng bảo đảm kịp thời với những biến động giá trên thị trường xây dựng;

l) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng cho các nhà thầu nước ngoài hoạt động, xây dựng tại địa bàn theo quy định;

m) Tổ chức sát hạch, cấp, cấp lại, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề xây dựng đối với cá nhân, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với tổ chức theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, bổ sung, chuyển đổi, thu hồi và quản lý các loại chứng chỉ hành nghề (chứng chỉ năng lực) hoạt động xây dựng trên địa bàn;

n) Đăng tải, cập nhật, cung cấp thông tin về năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động xây dựng có trụ sở chính trên địa bàn (bao gồm cả các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng) theo quy định; tích hợp các thông tin này trên trang thông tin điện tử do Bộ Xây dựng quản lý;

o) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể hoạt động đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở.

2. 7 Về phát triển đô thị:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập các loại chương trình phát triển đô thị hoặc thẩm định các chương trình phát triển đô thị theo thẩm quyền; xác định các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch thực hiện; xác định các chỉ tiêu về lĩnh vực phát triển đô thị trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình phát triển đô thị, các mô hình quản lý đô thị, khuyến khích phát triển các dịch vụ công trong lĩnh vực phát triển đô thị; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, ban hành;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bao gồm: chương trình nâng cấp đô thị, chương trình phát triển đô thị, đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, xây dựng phát triển đô thị thông minh, dự án cải thiện môi trường đô thị, nâng cao năng lực quản lý đô thị, dự án đầu tư phát triển đô thị và các chương trình, dự án khác có liên quan đến phát triển đô thị;

d) Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm, đề xuất việc tổ chức hoàn thiện các tiêu chí phân loại đô thị đối với các đô thị đã được công nhận loại đô thị; hướng dẫn, kiểm tra các đề án công nhận loại đô thị trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị; tổ chức thẩm định Đề án đề nghị công nhận loại đô thị và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận loại đô thị theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, khai thác sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch và kế hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện quản lý đầu tư phát triển đô thị theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư phát triển đô thị, pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hướng dẫn quản lý trật tự xây dựng đô thị;

e) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khai thác sử dụng và tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện bàn giao quản lý trong khu đô thị hoặc tổ chức thực hiện khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền;

g) Theo dõi, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn.

2.8 Về hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: Cấp nước sạch (trừ nước sạch nông thôn); thoát nước và xử lý nước thải (trừ xử lý nước thải tại chỗ; thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối); công viên, cây xanh đô thị; chiếu sáng đô thị; nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; kết cấu hạ tầng giao thông; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a) Xây dựng kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu và cơ chế chính sách phát triển lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Tổ chức lập, thẩm định theo phân cấp và quy định pháp luật về quy hoạch thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo quy định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

c) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động, khai thác các nguồn

lực để phát triển hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn;

d) Hướng dẫn công tác lập và quản lý chi phí các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; tổ chức lập đề trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hoặc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn phù hợp với quy trình kỹ thuật, điều kiện cụ thể của địa phương; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc áp dụng hoặc vận dụng phương pháp xác định định mức kinh tế - kinh tế kỹ thuật; đơn giá, giá dịch vụ hạ tầng kỹ thuật sử dụng nguồn vốn ngân sách của địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện;

đ) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về hạ tầng kỹ thuật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn.

2.9 Về nhà ở:

a) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt chủ trương xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà cấp tỉnh và chủ trì thực hiện sau khi được phê duyệt theo quy định pháp luật.

b) Cho ý kiến phối hợp thẩm định hoặc chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật nhà ở; thực hiện lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật nhà ở để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản. Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật đối với chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản. Kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ; khung giá cho thuê, thuê mua và giá bán nhà ở tài sản công phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tiếp nhận quỹ nhà ở tự quản của Trung ương và của tỉnh để thống nhất quản lý, thực hiện bán nhà ở thuộc tài sản công cho người đang thuê theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia định giá các loại nhà trên địa bàn theo khung giá, nguyên tắc và phương pháp định giá các loại nhà của Nhà nước;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn xây dựng nhà ở, nhà ở xã hội; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì nhà ở, nhà ở xã hội trên địa bàn;

g) Tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển và quản lý nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở, bao gồm việc thực

hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội;

h) Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện phát triển nhà ở, nhà ở xã hội trên địa bàn theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Chính phủ;

i) Tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn;

k) Tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn.

l) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nhà ở trên địa bàn theo quy định của pháp luật nhà ở và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao chủ trì hoặc phối hợp theo quy định của pháp luật nhà ở.

m) Tổ chức thẩm định hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công.

2.10 Về thị trường bất động sản:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về phát triển, quản lý kinh doanh bất động sản, thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các giải pháp, biện pháp công khai, minh bạch hoạt động kinh doanh bất động sản, thị trường bất động sản trên địa bàn; tổ chức triển khai thực hiện sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền biện pháp, giải pháp điều tiết thị trường bất động sản và chủ trì tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp, giải pháp điều tiết thị trường bất động sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực của chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản khác trên địa bàn; hướng dẫn các quy định về bất động sản được đưa vào kinh doanh;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng dự án theo thẩm quyền; hướng dẫn kiểm tra các quy định của pháp luật trong hoạt động mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà, công trình xây dựng trên địa bàn;

đ) Kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn;

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật thông tin hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định; thực hiện công bố thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn hàng quý và cả năm theo quy định.

g) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản.

h) Tổ chức thẩm định hồ sơ thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở;

i) Tổ chức thẩm định hồ sơ chuyên nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản cho cá nhân tự xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản.

2.11 Về vật liệu xây dựng:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương; phương án thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của địa phương trong quy hoạch tỉnh;

b) Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch khoáng sản nhóm II (hiện nay là quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng) đã được phê duyệt trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Cho ý kiến thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định;

d) Hướng dẫn các hoạt động thẩm định, đánh giá về: Công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản nhóm II (hiện nay là khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm xi măng); công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động: Khai thác, chế biến khoáng sản nhóm II (hiện nay là khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm xi măng); sản xuất vật liệu xây dựng;

e) Hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

g) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn theo quy định;

h) Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản nhóm II (hiện nay là khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm xi măng), tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

i) Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, chương trình, dự án khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các sản phẩm cơ khí xây dựng và giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở.

2.12 Về kết cấu hạ tầng giao thông:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công trình đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền công tác quản lý kết cấu hạ tầng xây dựng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân loại, điều chỉnh hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, các đường khác và công bố tải trọng, khổ giới hạn của cầu, đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

e) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thỏa thuận hoặc thỏa thuận theo thẩm quyền về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa; cấp phép thi công trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa đang khai thác do địa phương quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước tại bến xe ô tô, bãi đỗ xe, nhà ga đường sắt, trạm dừng nghỉ và cảng, bến thủy nội địa trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa do địa phương quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động, quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động, quyết định dừng, dừng ngay hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển, phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển và cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ theo quy định trong phạm vi địa bàn quản lý;

i) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thủ tục đổi tên cảng cạn theo quy định trong phạm vi địa bàn quản lý.

2.13 Về phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá; trừ nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành xây dựng.

a) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa ở địa phương hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

b) Thẩm định thiết kế kỹ thuật trong sửa chữa, hoán cải phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong vận tải đường bộ, đường thủy nội địa ở địa phương hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa cơ sở từ loại 3 trở lên theo quy định trong phạm vi địa bàn quản lý.

2.14 Về vận tải:

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Tổ chức thực hiện việc quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra xây dựng và công bố bến xe khách, điểm đỗ xe taxi, điểm đón, trả khách trên địa bàn theo quy hoạch được phê duyệt.

2.15 Về an toàn giao thông:

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không, xử lý tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông; ngăn chặn và xử lý các hành vi gây mất an toàn giao thông trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

c) Thẩm định an toàn giao thông thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì hoặc phối hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc tổ chức giao thông trên hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì hoặc phối hợp xử lý đột xuất điểm hay xảy ra tai nạn giao thông, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, đảm bảo giao thông trên hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

e) Cấp phép lưu hành cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật.

g) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải theo quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định trong phạm vi địa bàn quản lý.

h) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn; phê duyệt phương án đưa tàu lặn vào hoạt động và chấm dứt hoạt động tàu lặn thực hiện theo quy định.

2.16 Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của Sở.

2.17 Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

2.18 Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ.

2.19 Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Sở đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.20 Thực hiện công tác nhập và cập nhật, điều chỉnh thông tin trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định; thực hiện công tác tổng hợp, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Xây dựng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định.

2.21 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn tại Thông tư này và theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.22 Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2.23 Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

2.24 Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

2.25 Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của Sở.

2.26 Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực xây dựng đối với tổ chức, cá nhân; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

2.27 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; công tác pháp chế và công tác theo dõi thi hành pháp luật khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, khi được giao chủ trì thực hiện tự kiểm tra đối với các văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị trực tiếp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, đồng thời thực hiện tự kiểm tra văn bản hoặc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền đối với văn bản có nội dung bí mật nhà nước thuộc phạm vi, lĩnh vực của ngành quản lý.

2.28 Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Sở: có 01 Giám đốc và các Phó Giám đốc (số lượng do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định).

b) Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở: 08

- Văn phòng;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Quy hoạch - Kiến trúc - Phát triển đô thị;
- Phòng Quản lý Nhà và thị trường bất động sản;
- Phòng Giám định xây dựng;

- Phòng Quản lý đầu tư xây dựng;
- Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng;
- Phòng Quản lý vận tải và An toàn.

c) Đơn vị tương đương chi cục: 01

Cảng vụ đường thủy nội địa.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập: 11

- Trung tâm Quản lý và bảo trì công trình xây dựng Vĩnh Long (nhóm 4);
- Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà (nhóm 3);
- Bến xe khách Vĩnh Long (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần);
- Ban Quản lý Bến xe khách Trà Vinh (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần);
- Trung tâm Quản lý phà và bến xe Bến Tre (đơn vị tự chủ nhóm 1);
- Trung tâm Thẩm định, kiểm định công trình giao thông vận tải Vĩnh Long (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần);
- Trung tâm tư vấn và Kiểm định xây dựng Bến Tre (nhóm 2);
- Trung tâm đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải Trà Vinh (nhóm 2) (thực hiện thủ tục cổ phần);
- Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng Trà Vinh (đơn vị tự chủ nhóm 2);
- Trung tâm Xây dựng và giao thông Vĩnh Long (nhóm 1);
- Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông Bến Tre (đơn vị tự chủ nhóm 1).”

IV. DỰ KIẾN VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Tổng số chỉ tiêu biên chế được giao của Sở Xây dựng Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh hiện tại:

- Tổng số chỉ tiêu biên chế công chức **270³** (Khối Văn phòng Sở: 197; Cảng vụ đường thủy nội địa Bến Tre: 03).
- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: 39 (Vĩnh Long 10, Trà Vinh 11, Bến Tre 17⁴).

³ 245 công chức các đơn vị, 39 thanh tra (Trà Vinh, Bến Tre) (chưa tính 34 HĐLĐ của Khối VPS và CVĐTND).

⁴ Bến Tre 17 HĐLĐ: Khối VPS 7, Thanh tra Số 03, CVĐTND 07.

- Tổng số chỉ tiêu viên chức được giao 126 biên chế (Vĩnh Long 44⁵, Trà Vinh 34⁶, Bến Tre 48⁷).

2. Dự kiến cơ cấu tổ chức, biên chế Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long sau khi hợp nhất Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh như sau:

- Tổng số chỉ tiêu biên chế công chức **207**⁸ (Khôi Văn phòng Sở: 170⁹; Cảng vụ đường thủy nội địa: 37¹⁰). Đã giảm 63¹¹ biên chế công chức chuyển về Thanh tra tỉnh (tỷ lệ giảm 23,3%).

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: **37** (giữ nguyên biên chế).

- Tổng số chỉ tiêu viên chức **92** biên chế (Dự kiến Cảng vụ đường thủy nội địa **29** (viên chức), Trung tâm Quản lý bảo trì công trình 34; Trung tâm Quản lý và phát triển nhà **29**).

STT	Tên đơn vị/phòng	Tổng biên chế giao năm 2025	Tổng số công chức, viên chức				HD LĐ
			Biên chế	Cấp trưởng	Cấp phó	Chuyên viên	
	Tổng cộng (I + II)	270	183	9	51	99	25
I	Ban Giám đốc Sở		17	1	16		
II	Các phòng chuyên môn		166	8	35	99	25
1	Văn phòng Sở		58	1	10	24	25
2	Phòng Kế hoạch – Tài chính		10	1	2	7	
3	Phòng Quy hoạch – Kiến trúc – Phát triển đô thị		17	1	5	11	
4	Phòng Quản lý Nhà và thị trường bất động sản		13	1	2	10	
5	Phòng Giám định xây dựng		13	1	3	9	
6	Phòng Quản lý đầu tư xây dựng		21	1	5	15	

⁵ CVĐTND 20, TTQLBT 24

⁶ Đoạn QLGTTB 25, Thanh tra Sở 09

⁷ TT phát triển nhà 15; CVĐTND 33.

⁸ Đã trừ 63 biên chế công chức Thanh tra Sở của 03 tỉnh chuyển về Thanh tra tỉnh.

⁹ Theo hiện trạng số công chức có mặt (sau khi trừ HDLĐ, biên chế chuyển về Thanh tra): Vĩnh Long 59 CC, Trà Vinh 53 CC, Bến Tre 58 CC.

¹⁰ Tổng biên chế công chức của CVĐTND còn thiếu là 43; sử dụng 32 biên chế công chức chưa thực hiện xin bố trí trước, còn lại thiếu 11 biên chế công chức cho CVĐTND đề nghị bổ sung sau.

¹¹ Mỗi tỉnh chuyển 21 biên chế thanh tra về Thanh tra tỉnh.

STT	Tên đơn vị/phòng	Tổng biên chế giao năm 2025	Tổng số công chức, viên chức				HD LD
			Biên chế	Cấp trưởng	Cấp phó	Chuyên viên	
7	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng		15	1	4	10	
8	Phòng Quản lý vận tải và An toàn		19	1	4	13	
III	Đơn vị tương đương Chi cục		75	1	4	61	9
1	Cảng vụ đường thủy nội địa		75	1	4	61	9
IV	Đơn vị sự nghiệp công lập		519	11	18	314	176
1	Trung tâm Quản lý và bảo trì công trình xây dựng Vĩnh Long (nhóm 4)		34	1	2	25	6
2	Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà (nhóm 3)		29	1	2	26	
3	Bến xe khách Vĩnh Long (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần)		26	1	1	8	4
4	Ban Quản lý Bến xe khách Trà Vinh (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần)		10	1		4	5
5	Trung tâm Quản lý phà và bến xe Bến Tre (đơn vị tự chủ nhóm 1);		171	1	3	40	127
6	Trung tâm Thẩm định, kiểm định công trình giao thông vận tải Vĩnh Long (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần)		27	1	1	14	11
7	Trung tâm tư vấn và Kiểm định xây dựng Bến Tre (nhóm 2)		41	1	1	36	3
8	Trung tâm đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải Trà Vinh (nhóm 2)		35	1	1	31	2
9	Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng Trà Vinh (đơn vị tự chủ nhóm 2);		42	1	1	40	
10	Trung tâm Xây dựng và giao thông Vĩnh Long (nhóm 2)		93	1	5	70	17

STT	Tên đơn vị/phòng	Tổng biên chế giao năm 2025	Tổng số công chức, viên chức				HD LD
			Biên chế	Cấp trưởng	Cấp phó	Chuyên viên	
11	Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông Bến Tre (đơn vị tự chủ nhóm 1);		23	1	1	20	1

V. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TRỤ SỞ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ TRANG, THIẾT BỊ; NHÀ CÔNG VỤ; PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI

1. Phương án xử lý về trụ sở, tài chính, tài sản, đất đai

Sở Xây dựng 3 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh tiến hành tổ chức thực hiện đánh giá công tác tài chính; rà soát, thống kê tài sản và đất đai theo đúng các quy định hiện hành để làm cơ sở cho công tác bàn giao trước khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị.

Trên cơ sở số lượng cán bộ, công chức, người lao động hiện có; hiện trạng trụ sở làm việc đã được cấp có thẩm quyền bàn giao để bố trí sử dụng các trụ sở làm việc cho Sở Xây dựng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Phương án bố trí trang, thiết bị

Cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục sử dụng trang, thiết bị làm việc hiện có. Trường hợp trang, thiết bị cũ, hư hỏng giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tự rà soát theo tiêu chuẩn để bố trí trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo trang thiết bị làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức.

Thủ trưởng đơn vị quán triệt đến cán bộ, công chức, người lao động kế hoạch hoạt động của cơ quan nơi làm việc mới, có kế hoạch khảo sát, vận chuyển hồ sơ, trang thiết bị, máy móc văn phòng còn sử dụng được tại trụ sở cũ đến lắp đặt tại trụ sở mới để phục vụ công tác chuyên môn với thời gian nhanh nhất; đảm bảo công việc được xử lý liên tục, thông suốt, không làm ảnh hưởng, gián đoạn đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan. Việc thực hiện phải đảm bảo an toàn, nhanh chóng, tiết kiệm, khoa học, huy động tối đa nhân lực cơ quan để thực hiện.

Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo bộ phận chuyên môn lập danh mục, phân loại hồ sơ tài liệu, tài sản trang thiết bị để đảm bảo quản lý vận chuyển an toàn, không làm thất thoát, hư hỏng. Thực hiện quản lý theo dõi sổ sách kế toán để đối chiếu, cập nhật vào cơ quan mới.

Thống kê những tài sản, thiết bị còn thiếu đề nghị trang bị theo tiêu chuẩn, định mức.

Tận dụng nguồn nhân lực của đơn vị hoặc thuê phương tiện vận chuyển chuyên nghiệp để thực hiện tháo dỡ, lắp đặt.

3. Phương án bố trí nhà ở công vụ

Phương án sắp xếp, bố trí cho cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị hành chính 02 tỉnh (Bến Tre và Trà Vinh) có nhu cầu lưu trú để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị, đảm bảo sức khỏe, điều kiện ăn ở, sinh hoạt: thực hiện theo phương án của tỉnh Vĩnh Long sau khi hợp nhất.

4. Phương án bố trí phương tiện đi lại từ tỉnh Trà Vinh, Bến Tre đến tỉnh Vĩnh Long

Đối với cán bộ, công chức đáp ứng đủ tiêu, chức danh theo quy định: Bố trí xe đưa đón từ nhà đến trụ sở làm việc.

Đối với cán bộ, công chức còn lại: Trước mắt, để tạo điều kiện cho công chức, người lao động ổn định, yên tâm công tác, không làm xáo trộn quá nhiều về cuộc sống; trên cơ sở nhu cầu đi lại cụ thể, định kỳ hàng tuần thủ trưởng đơn vị tổ chức thuê mượn phương tiện đưa rước cán bộ, công chức, người lao động có nhu cầu di chuyển từ tỉnh Trà Vinh, Bến Tre đến nơi làm việc mới theo quy chế của cơ quan, đơn vị hoặc thực hiện theo phương án chung của tỉnh Vĩnh Long sau khi hợp nhất.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

I. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Lãnh đạo Sở: Hiện trạng có 03 Giám đốc Sở và 14 Phó Giám đốc Sở (việc bố trí Giám đốc và các Phó Giám đốc sau sắp xếp do Ban thường vụ Tỉnh ủy quyết định).

Trên cơ sở sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chỉ đạo của các cấp, Sở Xây dựng của 03 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh thống nhất cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng Vĩnh Long mới có 20 tổ chức, gồm: 08 phòng; 01 Chi cục (trương đương) và 11 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, cụ thể như sau:

1. Lãnh đạo Sở: có 01 Giám đốc và các Phó Giám đốc (số lượng do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định).

2. Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở: 08

a) Văn phòng: trên cơ sở sáp nhập toàn bộ chức năng, nhiệm vụ Văn phòng của Sở Xây dựng Vĩnh Long, Bến Tre và Trà Vinh (*trừ nhiệm vụ kế hoạch tài chính thuộc Văn phòng Sở Xây dựng Vĩnh Long, Trà Vinh sẽ chuyển Sang phòng Kế hoạch – Tài chính mới thành lập*)

Chức năng, nhiệm vụ chính của Văn phòng Sở: Tham mưu Giám đốc Sở quản lý công tác thông tin; tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; công tác văn thư, lưu trữ; quản lý tài chính, tài sản khối văn phòng; công tác tổ chức - cán bộ; bảo vệ chính trị nội bộ; thi đua - khen thưởng; cải cách chế độ công vụ, công chức; pháp chế; thực hiện tiếp công dân; giải quyết khiếu nại tố cáo; phòng chống tham nhũng tiêu cực theo quy định của pháp luật; công tác bảo vệ bí mật nhà nước; an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy; dân vận chính quyền; dân chủ ở cơ sở; chuyển đổi số; theo dõi, thực hiện quản lý chất lượng ISO và quản trị nội bộ theo quy định của pháp luật

Dự kiến biên chế: 58¹² người; Trong đó có 01 Chánh Văn phòng, 10 Phó Chánh Văn phòng, 24 chuyên viên và 23 HĐLĐ

b) Phòng Kế hoạch – Tài chính: trên cơ sở giữ nguyên cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Phòng Tài chính – Kế hoạch của Bến Tre, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ kế hoạch, tài chính của Văn phòng Sở Xây dựng Vĩnh Long, Trà Vinh sang.

Chức năng, nhiệm vụ chính của Phòng: Tham mưu Giám đốc Sở công tác quản lý kế hoạch xây dựng và phát triển ngành, quản lý tài chính, quản lý giá, tài chính của ngành, tài sản toàn Sở theo các nguồn vốn được giao, quản lý các nguồn thu, chi phí, lệ phí, nguồn ngân sách cấp theo đúng quy định; Tham mưu công tác tổ chức đấu thầu, đấu giá khi được cấp có thẩm quyền giao.

Dự kiến biên chế: 10¹³ người; Trong đó có 01 Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng, 7 chuyên viên

c) Phòng Quy hoạch – Kiến trúc – Phát triển đô thị: trên cơ sở hợp nhất chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức 3 phòng Phòng Quy hoạch – Kiến trúc và phát triển đô thị Trà Vinh, Phòng Quy hoạch – Kiến trúc - Đô thị Bến Tre, Phòng Quy hoạch kiến trúc, Quản lý nhà và Thị trường bất động sản Vĩnh Long (*chuyển nhiệm vụ quản lý nhà, thị trường bất động sản thuộc Phòng Quy hoạch kiến trúc và Quản lý nhà, thị trường bất động sản thuộc Sở Xây dựng Vĩnh Long vào phòng Quản lý Nhà và Thị trường bất động sản, mới thành lập*).

Chức năng, nhiệm vụ chính của Phòng: Tham mưu Giám đốc Sở thực hiện các chức năng nhà nước liên quan đến lĩnh vực quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh; tổ chức thẩm định các Chương trình phát triển đô thị, các đề án phân loại đô thị theo thẩm quyền; tham mưu thực hiện các quy trình đầu tư xây dựng các dự án khu đô thị, khu dân cư, các chiến lược phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh và các vấn đề có liên quan đến lĩnh

¹² (Chuyển 8 biên chế lĩnh vực kế hoạch, tài chính từ Văn phòng Sở Xây dựng Vĩnh Long, Trà Vinh sang Phòng Kế hoạch – Tài chính)

¹³ Giữ nguyên nhân sự của Phòng Tài chính – Kế hoạch của Bến Tre; chuyển lãnh đạo, công chức từ Văn phòng và phòng chuyên môn của Trà Vinh, Vĩnh Long sang (4 người).

vực quản lý ngành, gồm: Đô thị thông minh, Biến đổi khí hậu; Tăng trưởng xanh, chương trình xây dựng nông thôn mới theo thẩm quyền quy định.

Dự kiến biên chế: 17¹⁴ ; Trong đó 01 Trưởng phòng, 5 Phó trưởng phòng và 11 chuyên viên.

d) Phòng Quản lý Nhà và thị trường bất động sản: Trên cơ sở hợp nhất chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh (*trừ lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật để chuyển đến Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng mới thành lập*) + chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà và thị trường bất động sản của Phòng Quản lý Hạ tầng, Nhà ở và An toàn giao thông thuộc Sở Xây dựng Bến Tre + chức năng nhiệm vụ quản lý nhà và thị trường bất động sản của Phòng Quy hoạch kiến trúc và Quản lý nhà, thị trường bất động sản thuộc Sở Xây dựng Vĩnh Long.

Chức năng, nhiệm vụ chính của Phòng: Tham mưu Giám đốc Sở triển khai thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển và quản lý nhà ở, công sở, thị trường bất động sản; thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở. Tham gia định giá các loại nhà, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh đúng theo quy định hiện hành; phối hợp thực hiện việc chuyển đổi công năng sử dụng, mua bán, cho thuê, thuê mua đối với công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Dự kiến biên chế: 13¹⁵; Trong đó 01 Trưởng phòng, 2 Phó trưởng phòng và 10 chuyên viên.

đ) Phòng Giám định xây dựng: trên cơ sở giữ nguyên chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Giám định xây dựng của Trà Vinh (chuyển nhiệm vụ giám định xây dựng từ Phòng Quản lý chất lượng công trình của Bến Tre và Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng Vĩnh Long sang)

Chức năng, nhiệm vụ chính của Phòng: Tham mưu Giám đốc Sở Xây dựng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, tổ chức thực thi pháp luật về chất lượng xây dựng công trình, thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng, chất lượng sản phẩm xây dựng, an toàn lao động trong xây dựng và kiểm định, giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng; thí nghiệm chuyên ngành và quản lý dịch vụ công thuộc phạm vi, lĩnh vực do Sở Xây dựng quản lý.

Dự kiến biên chế: 13¹⁶; Trong đó 01 Trưởng phòng, 3 Phó trưởng phòng và 9 chuyên viên.

g) Phòng Quản lý đầu tư xây dựng: trên cơ sở hợp nhất 3 phòng Phòng Quản chất lượng công trình Vĩnh Long, Phòng Quản lý xây dựng Trà Vinh, Phòng Quản lý chất lượng công trình.

¹⁴ VL 7, TV 4, BT 6

¹⁵ VL 4, TV 6, BT 3

¹⁶ VL 7; TV 5; BT 1

Chức năng, nhiệm vụ chính của Phòng: Tham mưu Giám đốc Sở lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư xây dựng; thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo ủy quyền); Công tác quản lý chất lượng các công trình do Sở Xây dựng được phân cấp làm chủ đầu tư; quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý vật liệu xây dựng, công bố giá vật liệu xây dựng; thực hiện chức năng cấp phép xây dựng; cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng đối cá nhân, chứng chỉ năng lực hoạt động đối với tổ chức theo qui định.

Dự kiến biên chế: 21¹⁷; Trong đó 01 Trưởng phòng, 5 Phó trưởng phòng và 15 chuyên viên.

h) Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng: trên cơ sở hợp nhất và giữ nguyên chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức phòng của 3 Sở Xây dựng Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh (*chuyển nhiệm vụ và biên chế phụ trách lĩnh vực nhà ở và an toàn giao thông của Sở Xây dựng Bến Tre qua phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản, chuyển nhiệm vụ và biên chế phụ trách lĩnh vực giám định của Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng Vĩnh Long sang Phòng Giám định xây dựng*)

Chức năng, nhiệm vụ chính của Phòng: Tham mưu Giám đốc Sở thực hiện các chức năng nhà nước liên quan đến lĩnh vực quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các lĩnh vực quản lý hạ tầng đô thị (cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ); kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

Dự kiến biên chế: 15¹⁸; Trong đó 01 Trưởng phòng, 4 Phó trưởng phòng và 10 chuyên viên.

i) Phòng Quản lý vận tải và An toàn: trên cơ sở hợp nhất và giữ nguyên chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức Phòng Quản lý vận tải của 3 Sở; Tiếp nhận chức năng nhiệm vụ và nhân sự phụ trách an toàn giao thông của Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng, Nhà ở và ATGT của Bến Tre

Chức năng, nhiệm vụ chính của Phòng: Tham mưu Giám đốc Sở lĩnh vực: vận tải và an toàn giao thông thuộc phạm vi quản lý địa bàn toàn tỉnh; bao gồm: Quản lý nhà nước về vận tải; an toàn giao thông (không bao gồm nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ); Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định pháp luật về vận tải và an toàn giao thông; Xây dựng, triển khai các chính sách, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến hoạt động vận tải và an toàn giao thông.

Dự kiến biên chế: 19¹⁹ ; Trong đó 01 Trưởng phòng, 4 Phó trưởng phòng và 13 chuyên viên.

¹⁷ VL 8; TV 5; BT 8

¹⁸ VL 4; TV 6; BT 5

¹⁹ VL 7, TV 5, BT 7

3. Đơn vị tương đương chi cục: 01

Cảng vụ đường thủy nội địa: trên cơ sở hợp nhất giữ nguyên chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cảng vụ đường thủy nội địa của tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre.

Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị: Là tổ chức tương đương Chi cục thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa (sau đây viết tắt là cảng, bến), khu neo đậu; trên luồng, tuyến khi có sự phân công của Bộ Xây dựng nhằm bảo đảm việc chấp hành quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và bảo vệ môi trường.

Dự kiến biên chế: 75²⁰ ; Trong đó 01 Giám đốc, 05 Phó Giám đốc; 60 công chức, viên chức, 09 HĐLĐ. Cơ cấu tổ chức bên trong có 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đại diện các Cảng vụ đường thủy nội địa ở địa bàn Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh.

Trụ sở chính đặt tại: số 200, đường 8/3, Phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Các đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa đặt tại: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh (theo đề án sắp xếp của tỉnh)

4. Đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Trung tâm Quản lý và bảo trì công trình xây dựng Vĩnh Long (nhóm 4): trên cơ sở nhập Trung tâm Quản lý và Bảo trì công trình xây dựng Vĩnh Long và Đoạn Quản lý giao thông thủy bộ Trà Vinh (*chuyển nhiệm vụ phát triển nhà của Trung tâm Quản lý và bảo trì công trình xây dựng Vĩnh Long sang Trung tâm phát triển nhà Bến Tre*)

Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị: Là đơn vị sự nghiệp công lập, được Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và được giao biên chế có chức năng tổ chức quản lý, tuần kiểm đường bộ đối với các tuyến đường được giao hoặc được ủy quyền quản lý; thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư công tác bảo trì (bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất) các dự án khác thuộc các nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, nguồn vốn bảo trì đường bộ, đường thủy của Trung ương, địa phương và các nguồn vốn khác từ bước chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng.

Dự kiến biên chế: 34²¹; Trong đó, 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, 31 viên chức, lao động (6HĐLĐ)

Cơ cấu tổ chức: Ban lãnh đạo Trung tâm có: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Trụ sở chính đặt tại: Vĩnh Long (theo đề án sắp xếp của tỉnh)

²⁰ VL 20, BT 35 +9 HĐLĐ;TV: 11

²¹ TV 27; VL 7

Cơ sở 2, 3 đặt tại: Bến Tre, Trà Vinh

b) Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà (nhóm 3): Trên cơ sở giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phát triển nhà thuộc Sở Xây dựng Bến Tre; Tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ Phát triển nhà của Trung tâm Quản lý và Bảo trì công trình xây dựng thuộc Sở Xây dựng Vĩnh Long

Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, được nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động và được giao biên chế, có chức năng tổ chức thực hiện việc phát triển, quản lý, cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, Quản lý vận hành tòa nhà công sở; cung ứng dịch vụ tư vấn xây dựng, duy tu, bảo trì, cải tạo nâng cấp nhà ở và công trình theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, của các tổ chức sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và các cá nhân nhằm phục vụ cho việc phát triển đô thị.

Dự kiến biên chế: 29²²; Trong đó 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 23 viên chức

Cơ cấu tổ chức: Ban lãnh đạo Trung tâm có: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Trụ sở chính đặt tại: Vĩnh Long (theo đề án sắp xếp của tỉnh)

Cơ sở 2, 3 đặt tại: Bến Tre, Trà Vinh

c) Bến xe khách Vĩnh Long (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần): Trên cơ sở giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Bến xe khách Vĩnh Long và tiếp nhận nhiệm vụ và biên chế viên chức Ban Quản lý Bến xe, tàu khách thành phố Vĩnh Long thực hiện điều chuyển về Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long ²³

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính trực thuộc Sở tham mưu cho ngành quản lý và điều hành các phương tiện vận chuyển hành khách đến và đi theo tác nghiệp.

Số người làm việc: 27 người.

Cơ cấu tổ chức:

Ban lãnh đạo Bến xe gồm có: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc

Trụ sở chính đặt tại: Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Cơ sở 2: tại Phường 1, thành phố Vĩnh Long

d) Ban Quản lý Bến xe khách Trà Vinh (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần): Trên cơ sở giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Bến xe khách

²² BT 14, VL 15

²³ theo công văn số 3024/UBND-VX ngày 11/6/2025 của UBND TP VL V/v thống nhất danh sách viên chức Ban Quản lý Bến xe, tàu khách thành phố Vĩnh Long thực hiện điều chuyển về Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính trực thuộc Sở có chức năng phục vụ xe ô tô đưa, đón, trả khách và các dịch vụ vận tải hành khách theo quy định.

Số người làm việc: 06 người.

Cơ cấu tổ chức:

Ban lãnh đạo Ban gồm có: 01 Giám đốc

Trụ sở đặt tại: số 559, Quốc lộ 54, khóm 4, Phường 9, thành phố Trà Vinh, Trà Vinh

đ) Trung tâm Quản lý phà và bến xe Bến Tre (đơn vị tự chủ nhóm 1): Trên cơ sở giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quản lý phà và bến xe Bến Tre.

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính trực thuộc Sở tham mưu cho ngành tổ chức, quản lý và khai thác lĩnh vực bến phà, bến xe, phục vụ đảm bảo giao thông thông suốt, nhanh chóng, an toàn và thuận lợi; đào tạo lái xe ô tô và mô tô; dịch vụ kinh doanh vận tải; tổ chức phát triển kinh doanh các ngành nghề ngoài nhiệm vụ sự nghiệp nhằm khai thác tối đa tiềm năng của đơn vị; quản lý và điều hành phương tiện xuất, nhập bến nhằm khai thác năng lực bến bãi, cơ sở hạ tầng về giao thông vận tải được giao; tham gia hợp tác với các đơn vị quản lý bến bãi, các đơn vị vận tải trong và ngoài tỉnh để phối hợp tổ chức dịch vụ vận chuyển hành khách một cách an toàn, thuận tiện, văn minh, lịch sự và góp phần ổn định trật tự vận tải địa phương.

Số người làm việc: 167 người.

Cơ cấu tổ chức:

Ban Lãnh đạo Trung tâm gồm có: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

Có 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ và 08 đơn vị trực thuộc

Trụ sở đặt tại số 739/1, ấp 1, xã Sơn Đông, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

e) Trung tâm Thẩm định, kiểm định công trình giao thông vận tải Vĩnh Long (nhóm 2) (thủ tục Cổ phần): giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thẩm định, kiểm định công trình giao thông vận tải Vĩnh Long

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính trực thuộc Sở, có chức năng thực hiện tư vấn về hoạt động xây dựng theo năng lực hành nghề xây dựng, đảm bảo đúng theo quy định pháp luật Nhà nước về đầu tư xây dựng hiện hành

Số người làm việc: 27 người.

Cơ cấu tổ chức:

Ban Lãnh đạo Trung tâm gồm có: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Có 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ

Trụ sở đặt tại số 139, Lê Thái Tổ, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

g) Trung tâm tư vấn và Kiểm định xây dựng Bến Tre (nhóm 2): giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Trung tâm tư vấn và Kiểm định xây dựng

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính trực thuộc Sở, có chức năng cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước trên lĩnh vực quy hoạch xây dựng, tư vấn đầu tư xây dựng, thí nghiệm, kiểm định, giám định công trình xây dựng và các lĩnh vực có liên quan; phối hợp với các phòng chuyên môn của Sở tham mưu giúp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

Số người làm việc: 38

Cơ cấu tổ chức:

Ban Lãnh đạo Trung tâm gồm có: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Có 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ

Trụ sở chính đặt tại: Số 28, đường Cách mạng tháng 8, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Cơ sở 2 đặt tại: Số 03, đường Cách mạng tháng 8, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

h) Trung tâm đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải Trà Vinh (nhóm 2) (thực hiện thủ tục cổ phần): giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Trung tâm đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính trực thuộc Sở, có chức năng mở các lớp đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; tập huấn công nhân kỹ thuật chuyên ngành xây dựng, giao thông vận tải; đào tạo Bằng thuyền - máy trưởng và chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa; đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng; tập huấn nghiệp vụ vận tải cho lái xe kinh doanh vận tải; tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe các hạng; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. Trung tâm sát hạch loại 3.

Số người làm việc: 31

Cơ cấu tổ chức:

Ban Lãnh đạo Trung tâm gồm có: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Có 02 phòng chuyên môn nghiệp vụ

Trụ sở chính đặt tại: số 86 Đường Sơn Thông, Khóm 1, Phường 7, thành phố Trà Vinh, Trà Vinh

i) Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng Trà Vinh (đơn vị tự chủ nhóm 2): giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Trung tâm Quy hoạch và Giám định xây dựng

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính trực thuộc Sở, có chức năng tư vấn trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch đô thị - nông thôn theo yêu cầu của chủ đầu tư; thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, kiểm định chất lượng xây dựng các công trình và kiểm định chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng và các chức năng khác theo quy định hiện hành và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; tham mưu cho Sở Xây dựng đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện việc quản lý nhà nước về kiến trúc, quy hoạch đô thị - nông thôn, xây dựng trên địa bàn tỉnh

Số người làm việc: 31

Cơ cấu tổ chức:

Ban Lãnh đạo Trung tâm gồm có: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Có 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ

Trụ sở chính đặt tại: số 226 đường Trần Phú, phường 7, thành phố Trà Vinh

k) Trung tâm Xây dựng và giao thông Vĩnh Long (nhóm 1): trên cơ sở giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Trung tâm Xây dựng và giao thông

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính trực thuộc Sở, có chức năng phục vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực xây dựng như: quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ tư vấn xây dựng, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý và sửa chữa công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực xây dựng và giao thông

Số người làm việc: 96

Cơ cấu tổ chức:

Ban Lãnh đạo Trung tâm gồm có: Giám đốc và 06 Phó Giám đốc.

Có 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ

Trụ sở chính đặt tại: số 80 đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

I) Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông Bến Tre (đơn vị tự chủ nhóm 1): tên cơ sở giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Ban Quản lý bảo trì công trình giao thông

Chức năng, nhiệm vụ chính: Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, tự chủ về tài chính, thực hiện chức năng tổ chức quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông thủy bộ do Sở quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo uỷ quyền của Bộ Xây dựng. Đại diện Chủ đầu tư tổ chức quản lý triển khai các dự án sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư.

Số người làm việc: 22

Cơ cấu tổ chức:

Ban Lãnh đạo Trung tâm gồm có: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

Có 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ

Trụ sở đặt tại: Số 593/B4, đường Nguyễn Thị Định, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

II. PHƯƠNG ÁN VỀ NHÂN SỰ

1. Về biên chế

Về cơ bản thực hiện chuyển công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng 3 tỉnh hiện có để bố trí vào các phòng, đơn vị tương ứng sau sắp xếp. Trước mắt, giữ nguyên số biên chế công chức, viên chức. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đảm bảo giảm số lượng cán bộ, công chức, viên chức theo số lượng quy định của cấp có thẩm quyền trong thời gian 05 năm theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long.

2. Phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức

a) Đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý

- Việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý Sở Xây dựng sau sắp xếp thực hiện theo Kết luận của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương đối với cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất, sáp nhập.

- Số lượng lãnh đạo, quản lý Sở Xây dựng mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của các cơ quan trước sắp xếp và thực hiện bố trí theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn, căn cứ điều kiện thực tiễn và tiêu chuẩn, năng lực cán bộ, công chức, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định lựa chọn người đứng đầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mới sau sắp xếp. Đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn không bố trí tiếp tục làm người đứng đầu sau sắp xếp thì được bố trí ở vị trí cấp dưới liền kề hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn

vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức và được bảo lưu phụ cấp chức vụ theo quy định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Đối với trường hợp đang giữ chức danh cấp phó của Sở Xây dựng, Ban Thường vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bố trí làm cấp phó của người đứng đầu đơn vị sau sắp xếp hoặc bố trí giữ chức danh tương đương ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc tăng cường làm lãnh đạo cấp xã theo yêu cầu nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức.

- Trước mắt số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị mới sau sắp xếp có thể cao hơn quy định và giảm dần theo lộ trình bảo đảm thực hiện quy định của Chính phủ.

b) Đối với công chức, viên chức, người lao động hợp đồng theo quy định

Trước mắt giữ nguyên số lượng công chức, viên chức, người lao động hợp đồng hiện có tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để sắp xếp, bố trí công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tương ứng hoặc bố trí công tác tại cấp xã. Sau đó, thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, ***đảm bảo trong thời hạn 05 năm*** cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp

a) Phương án tinh giản biên chế CBCCVC, người lao động sau sắp xếp

Sau khi có quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền Sở Xây dựng sẽ xem xét, xây dựng phương án phù hợp với số lượng chỉ tiêu biên chế được giao.

b) Lộ trình giải quyết chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp

Lộ trình giải quyết tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp được xác định trong thời hạn 5 năm kể từ khi Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh có hiệu lực.

c) Chế độ, chính sách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp

Thực hiện theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp

xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 06/3/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và các quy định, hướng dẫn có liên quan.

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được áp dụng chính sách có liên quan của đơn vị hành chính cấp tỉnh (trước sắp xếp) cho đến khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau sắp xếp).

III. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính được chốt số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo quyết toán ngân sách đến 30/8/2025 của Sở Xây dựng 03 tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Thông tư hướng dẫn số 71/2014/ TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 05 năm 2014 của Bộ tài chính quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính.

Sau khi hợp nhất Sở Xây dựng 3 tỉnh thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

IV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ VỀ TÀI SẢN

Tổng hợp, chốt số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên hệ thống phần mềm Quản lý tài sản công và Báo cáo tài chính tổng hợp đến ngày 30/8/2025 của Sở Xây dựng 03 tỉnh theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

V. PHƯƠNG ÁN VỀ XỬ LÝ ĐẤT ĐAI

Thực hiện theo quy định hiện hành sau khi hợp nhất.

Phần thứ tư

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP TỔ CHỨC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

Đề án thành lập Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Xây dựng 3 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh phù hợp với các văn bản quy định hiện hành; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao năng lực quản lý của đơn vị; cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phù hợp với các chủ trương và định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đề án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh tổ chức lấy ý kiến các đơn vị có liên quan.

Quá trình tổ chức xây dựng Đề án đảm bảo khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch; trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị thuộc Sở Xây dựng bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp.

Phần thứ năm

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC SỞ VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ XÂY DỰNG VÀ THỜI HẠN XỬ LÝ

I. TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC SỞ VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP SỞ XÂY DỰNG

1. Liên Sở Xây dựng Vĩnh Long – Bến Tre – Trà Vinh phối hợp xây dựng dự thảo đề án lấy ý kiến cán bộ chủ chốt thuộc 03 Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan, tổng hợp ý kiến góp ý, hoàn thiện Đề án, trình UBND tỉnh xem xét (thông qua Sở Nội vụ thẩm định), trình Đảng ủy UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua chủ trương.

2. Trên cơ sở Đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Giám đốc Sở Xây dựng Vĩnh Long sau khi họp nhất có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc, trang thiết bị đảm bảo phục vụ công việc được thông suốt, phát huy tối đa hiệu quả về con người, cơ sở vật chất.

b) Sắp xếp tổ chức, bố trí nhân sự các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở đảm bảo đúng nguyên tắc và quy định hiện hành.

c) Trình UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở và các đơn vị thuộc Sở.

d) Ban hành Quy chế làm việc của Sở, quy định cụ thể mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở.

đ) Xây dựng và chỉ đạo việc xây dựng, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định.

II. THỜI HẠN XỬ LÝ

1. Tham mưu xây dựng “*Đề án thành lập Sở Xây dựng thuộc UBND tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Xây dựng thuộc UBND tỉnh Trà Vinh, Sở Xây dựng thuộc UBND tỉnh Bến Tre (sau sáp nhập)*”, hoàn thành trình UBND tỉnh **trước ngày 20/6/2025**.

2. Tham mưu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định thành lập các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, hoàn thành **trước ngày 30/6/2025**.

3. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long thuộc UBND tỉnh, hoàn thành **trước ngày 30/6/2025**.

4. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Chi cục, Trung tâm, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng, hoàn thành **trước ngày 01/7/2025**.

5. Sắp xếp hoàn thành xong việc kiện toàn tổ chức bộ máy và chính thức đi vào hoạt động ngày **01/7/2025**.

Phần thứ sáu

KIẾN NGHỊ CỦA CƠ QUAN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đề nghị UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại, nhà ở và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị khi thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính mới của đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp.

Phần thứ bảy

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

Hợp nhất Sở Xây dựng 03 tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh và Bến Tre sẽ mang lại những hiệu quả kinh tế, xã hội như sau:

- Thực hiện đúng chủ trương của Trung ương về tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế, hình thành nên cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đa ngành, đa lĩnh vực, giảm được 02 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Giảm được đơn vị đầu mối của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc. Sáp nhập giúp cắt giảm chi phí vận hành, giảm nhân sự; tối ưu hóa nguồn lực tận dụng các nguồn lực hiện có một cách hiệu quả hơn.

- Nâng cao hiệu quả quản lý: quyền hạn và trách nhiệm được tập trung, giúp quản lý dễ dàng hơn. Quy trình làm việc thống nhất, giảm thiểu sự chồng chéo trong các hoạt động quản lý góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của

các cơ quan.

- Tăng cường năng lực chuyên môn: việc sáp nhập giúp quy tụ các chuyên gia, nâng cao trình độ chuyên môn; giúp công chức, viên chức có điều kiện chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, nâng cao năng lực làm việc.

- Góp phần tập trung đầu mối đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Thủ tục hành chính được đơn giản hóa, giúp tiết kiệm thời gian cho người dân. Cung cấp dịch vụ công nhanh chóng và hiệu quả hơn cho người dân và doanh nghiệp.

- Công tác quy hoạch ngành được đồng bộ hóa, đảm bảo tính đồng nhất trong quy hoạch và phát triển đô thị.

Trên đây là Đề án thành lập Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ban TCD-NC;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Duy